TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 419/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28-6-2018
Về tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thuần Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Hồng;
2. Ông Nguyễn Như Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018 tại phòng Xử án Tòa án nhân dân Quận 7 mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 33/2018/TLST-HNGĐ ngày 10/01/2018 về "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2018/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Lưu Thị T, sinh năm 1980; địa chỉ: đường A, tổ B, khu phố D, phường B.T, Quận E, Tp. HCM (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn*: Ông Bùi Văn C, sinh năm 1979; địa chỉ: đường A, tổ B, khu phố D, phường B.T, Quận E, Tp. HCM; tạm trú: đường N.C.C, phường C.K, Quận G, Tp. HCM (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/5/2017, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lưu Thị T trình bày:

Bà và ông C qua thời gian tìm hiểu gần 01 năm thì tự nguyện tiến đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn 2002 (Giấy chứng nhận kết hôn số 19, Quyển số 01/2002 đăng ký tại UBND phường B.T, Quận E, Tp. HCM ngày 25/3/2002)

Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông C không chung thủy, có người phụ nữ khác bên ngoài, ông C đã dọn ra ngoài sống với người phụ nữ khác từ tháng 7/2015 cho đến nay, bà đã nhiều lần nói chuyện với ông C để vợ chồng có thể về sống chung với nhau, nhưng ông C không chấp nhận mà yêu cầu bà phải chấp nhận mối quan hệ giữa ông C và người phụ nữ hiện nay ông C đang chung sống, nhưng bà không chấp nhận, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2015 cho đến nay, tình cảm vợ chồng hiện không còn, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được quyền ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà T và ông C chung sống có 01 người con chung, họ tên là Bùi Mạnh H, sinh ngày 28/8/2003.

Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Bùi Mạnh H, yêu cầu ông C cấp dưỡng 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng, cấp dưỡng từ tháng 07/2018, cấp dưỡng vào ngày cuối cùng của tháng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Bà xác nhận bà và ông C không có nợ chung, việc ông C khai là có nợ chung là không đúng, đó là nợ riêng cá nhân ông C, khoản nợ đó theo bà biết là khoản nợ mà ông C vay anh em họ hàng để ông C ra ngoài kinh doanh và sống chung với người phụ khác.

Tại bản tự khai ngày 15/9/2017 và bản tự khai 08/5/2018, bị đơn ông Bùi Văn C trình bày:

Ông và bà T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng chung sống được 13 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do khó khăn về kinh tế, việc kinh doanh của ông không thuận lợi, vợ chồng đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện nhưng không có kết quả, ông và bà T đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, trước yêu cầu ly hôn của bà T ông cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà T có 01 người con chung, họ tên là Bùi Mạnh H, sinh ngày 28/8/2003.

Ông đồng ý giao trẻ Bùi Mạnh H cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ chung, nhưng ông không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh.

Bà Lưu Thị T và ông Bùi Văn C đều có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

** Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Quận 7 phát biểu ý kiến như sau*:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý quy định tại các điều từ Điều 26 đến Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 BLTTDS; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ và đúng quy định.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án**:**

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy: Các đương sự tự nguyện tiến đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn 2002 (Giấy chứng nhận kết hôn số 19, Quyển số 01/2002 đăng ký tại UBND phường B.T, Quận E, Tp. HCM ngày 25/3/2002). Qua các tài liệu chứng cứ cùng lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn thì mâu thuẫn vợ chồng đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ nên yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn bà T là có căn cứ nên đề nghị chấp nhận.

Về con chung: Có 01 người con chung, họ tên là Bùi Mạnh H, sinh ngày 28/8/2003; nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông C cấp dưỡng 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng, cấp dưỡng từ tháng 07/2018, cấp dưỡng vào ngày cuối cùng của tháng; bị đơn ông C đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng nên đề nghị ghi nhận, buộc ông C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung: các đương sự xác nhận không có.

Về nợ chung: theo nguyên đơn bà T trình bày, bà và ông C không có nợ chung, việc ông C khai là có nợ chung là không đúng, đó là nợ riêng cá nhân ông C; bị đơn ông C trình bày vợ chồng có nợ chung nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho khoản nợ chung; do đó không có căn cứ để chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Về quan hệ vợ chồng: Bà T được ly hôn với ông C.

Về con chung: Có 01 người con chung, họ tên là Bùi Mạnh H, sinh ngày 28/8/2003. Sau khi ly hôn bà T được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Bùi Mạnh H, ông C cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng, cấp dưỡng từ tháng 07/2018, cấp dưỡng vào ngày đầu tiên của tháng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí sơ thẩm: Bà T phải chịu.

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và bị đơn cư trú tại Quận 7 tại thời điểm nguyên đơn nộp đơn khởi kiện nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về các yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Bà Lưu Thị T và ông Bùi Văn C tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 19, Quyển số 01/2002 đăng ký tại UBND phường B.T, Quận E, Tp. HCM ngày 25/3/2002) nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp, vì vậy được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Về yêu cầu ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào phần trình bày của nguyên đơn, căn cứ vào văn bản xác minh tại Hội Phụ nữ phường B.T, Quận E có đủ cơ sở để xác định mâu thuẫn giữa bà T ông C phát sinh kéo dài, bà T ông C đã sống ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay, bà T yêu cầu ly hôn, ông C đồng ý ly hôn theo yêu cầu cua bà T. Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân của các đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn với bị đơn theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Căn cứ vào Giấy khai sinh số 145, Quyển số 01/2003 đăng ký tại UBND phường B.T, Quận E ngày 02/10/2003, cùng với lời thừa nhận của đương sự có đủ căn cứ xác định bà Lưu Thị T và ông Bùi Văn C có 01 người con chung, họ tên là Bùi Mạnh H, sinh ngày 28/8/2003.

Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Bùi Mạnh H, yêu cầu ông C cấp dưỡng 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng. Ông C đồng ý giao trẻ Bùi Mạnh H cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông C đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu bà T 3.000.000 đồng/tháng. Yêu cầu này của các đương sự là tự nguyện, không trái với chính sách, pháp luật của Nhà nước, không vi phạm đạo đức xã hội nên có đủ căn cứ giao trẻ Bùi Mạnh H cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng.

[2.3] Về tài sản chung Bà Lưu Thị T và ông Bùi Văn C đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung.

[2.4] Về nợ chung:

Bà T xác định bà và ông C không có nợ chung.

Ông Bùi Văn C khai vợ chồng có nợ chung.

Căn cứ Khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu*

thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó"

Tòa án đã ban hành Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 90 ngày 12/4/2018 đối với ông C, yêu cầu ông C cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho khoản nợ chung của ông và bà T trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định. Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 08/5/2018, ông C xác định "*đã nhận được Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 90 ngày 12/4/2018 của Tòa án Quận 7, tôi xác định tôi không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho khoản nợ chung*".

Do vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét chấp nhận đối với lời khai của ông C về khoản nợ chung.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Lưu Thị T được ly hôn với ông Bùi Văn C (Giấy chứng nhận kết hôn số 19, Quyển số 01/2002 đăng ký tại UBND phường B.T, Quận E, Tp. HCM ngày 25/3/2002).

1.2 Về quan hệ con chung: Bà Lưu Thị T và ông Bùi Văn C có 01 (một) người con chung, họ tên là Bùi Mạnh H, sinh ngày 28/8/2003.

Giao trẻ Bùi Mạnh H cho bà Lưu Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Bùi Văn C cấp dưỡng 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng, cấp dưỡng từ tháng 7/2018, thực hiện cấp dưỡng vào ngày đầu tiên hàng tháng cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014.

Trong trường hợp ông Bùi Văn C chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì ông Bùi Văn C còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Bùi Văn C có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1. 3. Về tài sản chung: Bà Lưu Thị T và ông Bùi Văn C không có tài sản chung.

1.4. Về nợ chung: Bà Lưu Thị T và ông Bùi Văn C không có nợ chung.

1.5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lưu Thị T phải chịu là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0024016 ngày 27/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, vậy bà Lưu Thị T đã nộp đủ án phí.

Ông Bùi Văn C chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

2. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- UBND phường B.T;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ (Hoa).

Lê Thuần Phong